TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 05 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình

Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đình Nam Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* khu vực 17 - Lâm Đồng *tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2026/TLST – HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2026, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2026/QĐ-TĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số G, đường N, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số G, đường N, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2014, bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Thanh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông T nhiều lần xúc phạm danh dự bà L và đã có hành vi bạo lực đánh đập bà L. Hiện nay bà L và ông T mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm, không yêu thương lẫn nhau. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là Bùi Thiện T1, sinh ngày 12/09/2016. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà L yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con vẫn đang ở chung cùng bà L và ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Thanh T:

Sau khi thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng bị đơn đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh bút lục 20 thể hiện:

Chị L và anh T kết hôn do mai mối, chị L và anh T không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã. Có lần anh T say xỉn, đập phá đồ đạc trong nhà, chị L và con phải chạy sang nhà tôi để tránh. Hiện nay chị L và anh T không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại biên bản xác minh bút lục 27 thể hiện:

Địa phương không nắm rõ mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh T chỉ biết vợ chồng chị L và anh T hiện có mâu thuẫn.

Tóa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Thanh T. Về con chung: Giao con chung Bùi Thiện T1, sinh ngày 12/09/2016 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Bùi Thanh T hiện đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với ông Bùi Thanh T nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn ông Bùi Thanh T không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn bà

Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 27/02/2014, số vào sổ 029/2014, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà L và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo lời khai của bà L và kết quả xác minh tại địa phương xác định bà L và ông T hay phát sinh mâu thuẫn về vấn đề bất đồng quan điểm sống và đối lập về tính cách. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp để hòa giải và tạo điều kiện cho các bên đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn không tham gia hòa giải tại Tòa án. Nhận thấy, ông T đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa bà L và ông T thật sự trầm trọng, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho bà L được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Thanh T có 01 con chung Bùi Thiện T1, sinh ngày 12/9/2016. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà L yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy: Cháu Bùi Thiện T1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ; Bà L có công việc và chỗ ở ổn định. Ông Bùi Thanh T cũng không có bất kỳ ý kiến nào trình bày về nguyện vọng muốn nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Bùi Thiện T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng nhằm giúp cháu phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cũng như về mặt tâm, sinh lý là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không cần xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng: Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng về việc đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Bùi Thanh T.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Bùi Thiện T1, sinh ngày 12/9/2016. Ông Bùi Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004118, ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng. Bà L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 17 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CCTHADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THAKV 17 – Lâm Đồng;
- UBND xã Hoài Đức, Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Vân